

Số: 209/2021/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 09 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ – CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 96/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1948

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, tổ 10, khu phố 1, đường Lương Định C, phường A.Ph, Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

2. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: Số 1098/17, tổ 35, khu phố 3, đường Nguyễn Thị Đ, phường C.L, Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

3. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ cư trú: Số 4/8, khu phố 3, đường Lương Định C, phường B.Kh (Nay là phường An.Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ thường trú: số 4/8A khu phố 3, đường Lương Đình C, phường B.Kh (Nay là phường An.Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Những người thừa kế của bà Ngô Thị B, sinh năm 1946 (Chết năm 2013):

- 1.1. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1935
- 1.2. Nguyễn Anh T, sinh năm 1966
- 1.3. Nguyễn Anh H, sinh năm 1969
- 1.4. Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1972
- 1.5. Nguyễn Anh V, sinh năm 1974
- 1.6. Nguyễn Anh L, sinh năm 1977
- 1.7. Nguyễn Anh H, sinh năm 1979
- 1.8. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982
- 1.9. Nguyễn Anh O, sinh năm 1984
- 1.10. Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số 1089/17 tổ 35, khu phố 3, đường Nguyễn Thị Đ, phường C.L, Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

2. Những người thừa kế của ông Ngô Văn Th, sinh năm 1952 (Chết năm 2011):

- 2.1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1959
- 2.2. Ngô Thanh Ph, sinh năm 1974
- 2.3. Ngô Thanh S, sinh năm 1976
- 2.4. Ngô Thanh L, sinh năm 1982
- 2.5. Ngô Thanh L, sinh năm 1985
- 2.6. Ngô Thanh Ng, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số 4/13 Khu phố 3, đường Lương Đình C, phường B.Kh (Nay là phường An.Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

3. Những người thừa kế của ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1959 (Chết năm 2005):

- 3.1. Huỳnh Khắc V
- 3.2. Huỳnh Khắc Q
- 3.3. Huỳnh Khắc K
- 3.4. Huỳnh Thị Th
- 3.5. Huỳnh Thị Thảo L
- 3.6. Huỳnh Khắc Tr
- 3.7. Huỳnh Thiện Kh

3.8. Huỳnh Thị Cẩm V

3.9. Huỳnh Thị Kim L

Cùng địa chỉ: Số 4/8 Khu phố 3, đường Lương Đình C, phường B.Kh (Nay là phường An.Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

4. Bà Huỳnh Thị Mộng L, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 4/8H Khu phố 3, đường Lương Đình C, phường B.Kh (Nay là phường An.Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

5. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1958

6. Ông Lưu Minh L, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu Kim Sơn, thị trấn L.Th, huyện L.Th, tỉnh ĐN.

7. Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 2/3 đường số 49, phường Bình Trưng Đ, Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

8. Ủy ban nhân dân Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

Địa chỉ: Số 168 đường Trương Văn B, khu phố 1, phường Thạnh Mỹ L, Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận căn nhà số 4/8A khu phố 3, đường Lương Đình C, phường Bình Kh (Nay là phường An Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H, diện tích xây dựng 176m², diện tích sàn xây dựng 187,9m², diện tích đất 193,1m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ số 5 phường Bình Kh (Nay là phường An Kh), Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Bạch T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00256 ngày 11/11/2015 do Ủy ban nhân dân Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp, đã chuyển nhượng hợp pháp, đúng pháp luật cho bà Phạm Thị Đ, ông Lưu Minh L theo hợp đồng mua bán nhà đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 3, Thành phố H ngày 26/01/2016 và bà Phạm Thị Đ, ông Lưu Minh L đã được Ủy ban nhân dân Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00289 ngày 17/6/2016.

2. Công nhận số tiền 810.262.504đ (Tám trăm mười triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn đồng) theo Quyết định số 2105/QĐ – UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Bạch T, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Bạch T.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Đ, ông Lưu Minh L đồng ý hỗ trợ cho các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), trong đó chi của ông Ngô Văn Th số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); chi của ông Ngô Văn L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); chi của bà Ngô Thị H số tiền 300.000.000đ (Ba

trăm triệu đồng); chi của bà Ngô Thị B (Chết năm 2013) có các ông bà Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Anh V, Nguyễn Anh L, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Anh O, Nguyễn Thị Thu D số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Các bên đương sự đã tự nguyện giao nhận số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 01/02/2021.

Số tiền còn lại 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), bà Phạm Thị Đ, ông Lưu Minh L phải thi hành án cho các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, thi hành ngay khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trong đó ông Ngô Văn Th số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông Ngô Văn L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), bà Ngô Thị H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông Nguyễn Văn Kh số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Nguyễn Anh O số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thu D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Các đương sự tự nguyện thi hành án hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thi hành án.

Kể từ ngày các ông bà Ngô Văn Th, Ngô Văn L, Ngô Thị H, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Anh V, Nguyễn Anh L, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Anh O và Nguyễn Thị Thu D có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, nếu bà Phạm Thị Đ, ông Lưu Minh L chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Án phí DS – ST:

+ Ông Ngô Văn Th, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn Kh là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Hoàn trả cho ông Ngô Văn Th, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị H số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008201 ngày 04/7/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Kh số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008326 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H.

+ Ông Nguyễn Anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh T đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008327 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh T phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh H đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008329 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh H phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thu L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Thu L đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008328 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thu L phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Anh V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh V đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008324 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh V phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Anh L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh L đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008325 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh L phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh H đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008322 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh H phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008323 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Anh O chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Anh O đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008320 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Ông Nguyễn Anh O phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thu D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Thu D đã nộp tạm ứng án phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008321 ngày 18/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (Nay là Thành phố TĐ), Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thu D phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức